

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYỀN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2025/HS-ST

Ngày: 12-02-2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đức Vinh.

2. Bà La Thị Thu Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trọng Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Cù Hoàng V – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 02 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1988 tại Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Khu phố D, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1966; vợ; con: Không.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt ngày 19-10-2024. Hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện X (có mặt).

- Bị hại:

Ông Hoàng Anh Q, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Khu phố T, thị trấn P, huyện X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông Nguyễn Trần Công H1, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Khu phố H, thị trấn N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 06/9/2023 Phạm Văn T điều khiển xe mô tô biển số 72L1-8200 đến nhà Hoàng Anh Q để nói chuyện về việc chở nguyên vật liệu xây dựng cho nhà anh Q xây dựng nhà. Trong lúc nói chuyện thì Q và T xảy ra mâu thuẫn, T bực tức nên lấy dao thái lan dài khoảng 20cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng nhựa màu vàng từ trong túi quần phải đâm anh Q, anh Q dùng tay đỡ và bị ngã xuống nền nhà thì T tiếp tục xông vào, anh Q dùng hai chân đạp Thành ra thì T cầm dao đâm trúng lòng bàn chân phải của anh Q. Lúc này, anh Q cầm bình nước siêu tốc đang nấu nước hắt vào người T nhưng không gây thương tích gì cho T. Sau đó, T bỏ đi ra ngoài cổng, tại cổng nhà anh Q, T nhặt một số gạch ném vào nhà trúng vào ống chân trái của anh Q gây thương tích, anh Q cũng nhặt gạch ném ra trúng vào đầu T gây thương tích, rồi T lên xe máy bỏ chạy thì xe mô tô của T bị rơi xuống ruộng, T bỏ xe đi bộ về. Sau đó, T và anh Q đến trạm y tế xã B khâu vết thương. Ngày 13/11/2024 anh Q có đơn yêu cầu giám định thương tích và xử lý hình sự đối với T. Đối với Phạm Văn T bị thương tích nhẹ, tự nguyện viết đơn không yêu cầu xử lý hình sự đối với anh Q và cũng không yêu anh Q bồi thường.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 440/KLTTCT-PYBRVT ngày 30/10/2023 của Trung tâm pháp y tỉnh B, kết luận:

Các kết quả chính:

01 sẹo nhỏ; 01 vết tổn thương da nông.

Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Hoàng Anh Q tại thời điểm giám định là: 01%, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Vết thương do vật gì gây ra:

Thương tích 1: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật cứng sắc nhọn.

Thương tích 2: Khả năng được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày.

Tỷ lệ phần trăm của từng vết thương: Thương tích 1: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 01%; Thương tích 2: Có tỷ lệ tổn thương cơ thể là: 0.5%.

Tại kết luận giám định số 497/KLTTCT-PYBRVT ngày 04/12/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận:

Các kết quả chính:

Kết quả khám giám định và cận lâm sàng: 01 sẹo nhỏ.

Kết luận: Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Phạm Văn T tại thời điểm giám định là: 01 %, áp dụng phương pháp cộng tại thông tư.

Thương tích trên có thể được gây ra do sự tác động tương hỗ của vật rắn tày có cạnh, hình dạng dài hoặc vật cứng có cạnh sắc; tác động vào vị trí thương tích theo chiều hướng từ trên xuống dưới.

Vật chứng thu giữ và xử lý: Đối với 01 mô tô biển số 72L1- 8200, loại xe hai bánh, nhãn hiệu Bonny, màu đỏ-đen qua xác minh do ông Nguyễn Trần Công H1, trú tại khu phố H, thị trấn N, huyện C làm chủ, đến năm 2009 ông H1 bán lại xe cho ông Lê Kim T1, trú tại xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Sau đó, ông T1 bán cho một người không rõ nhân thân. Qua làm việc Phạm Văn T khai nhận xe mô tô trên T mua lại của một người không rõ nhân thân tại xã B, huyện X nhưng không làm thủ tục mua bán, sang tên. Hiện Cơ quan CSĐT đang tạm giữ để chuyển Chi cục thi hành án dân sự huyện X chờ xử lý. Đối với 01 con dao thái lan dài khoảng 20cm, lưỡi dao bằng kim loại, cán dao bằng nhựa màu vàng T dùng gây thương tích cho anh Q, sau khi xảy ra vụ việc bị cáo T đã vứt bỏ, hiện Cơ quan CSĐT đã truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Q yêu cầu bị cáo T bồi thường 90.000.000đ chi phí điều trị vết thương, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị hại thay đổi ý kiến, không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Bản cáo trạng số 15/CTVKSXSM ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 06 đến 09 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Giao cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đối với xe mô tô biển số 72L1-8200, loại xe 2 bánh, màu đỏ-đen

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại Q không yêu cầu bị cáo T bồi thường về trách nhiệm dân sự nên không đề nghị xem xét.

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng bị cáo xin lỗi bị hại, hối hận về hành vi phạm tội của mình và xin được giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đối chiếu với lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 23 giờ 00 phút, ngày 06/9/2023, xuất phát từ mâu thuẫn trong việc chở vật liệu xây dựng cho anh Hoàng Anh Q, Phạm Văn T mang theo dao thái lan dài khoảng 20cm, cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi dao bằng kim loại đến nhà anh Q để nói chuyện với mục đích đến để dẫn mặt anh Q. Sau đó, giữa bị cáo T và Q có nói chuyện qua lại về việc T chở vật liệu xây dựng cho anh Q nên hai bên xảy ra mâu thuẫn, do bức tức nên T đã dùng dao (loại dao Thái Lan) mang theo đâm anh Q nhưng không trúng, làm anh Q ngã T tiếp tục dùng dao đâm 01 nhát vào lòng bàn chân phải, rồi ra ngoài cổng dùng gạch ném vào trúng ống chân trái của anh Q gây thương tích cho anh Q. Tại kết luận giám định số 440/KLTTCT-PYBRVT ngày 30/10/2023 và Kết luận giám định số 204/KLTTCT-PYBRVT ngày 03/6/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh B kết luận tỷ lệ thương tích bị cáo T gây ra cho anh Q là 01%.

Đối với thương tích của bị cáo Thành nhẹ, bản thân bị cáo tự viết đơn không yêu cầu xử lý hình sự và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

Như vậy, chỉ vì mâu thuẫn nhỏ trong công việc, bị cáo T đã dùng dao (loại dao Thái Lan) là hung khí nguy hiểm đâm 01 nhát vào lòng bàn chân phải của bị hại và dùng gạch ném trúng vào ống chân của bị hại gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật là 01% trong khi giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn trước đó nên hành vi của bị cáo là hung hãn và có tính chất côn đồ nên đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” quy định tại điểm a, i, khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được hành vi xâm phạm đến sức khỏe của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo bị cáo biết tôn trọng pháp luật, hình phạt đối với bị cáo nhất thiết phải là tù giam, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đối với xe mô tô biển số 72L1-8200 bị cáo khai mua lại của một người không nhớ rõ ai và chưa làm thủ tục sang tên. Qua xác minh xe do ông Nguyễn Trần Công H1 làm chủ, sau đó ông H1 đã bán lại cho ông Lê Kim T1 và ông T1 đã bán lại cho người khác không nhớ rõ nên cần giao cơ quan điều tra, tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xử lý sau.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Qua trình điều tra bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí là 90.000.000đ, bị cáo đồng ý nhưng chưa bồi thường. Tại phiên tòa, bị hại thay đổi ý kiến không đề nghị bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a, i khoản 1 Điều 134; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 19-10-2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Giao cơ quan điều tra Công an huyện X tiếp tục điều tra, xác minh đối với 01 (một) xe mô tô biển số 72L1-8200, loại xe 02 bánh, nhãn hiệu Bonny, màu đỏ-đen, số máy: VTT15JL1P52FMH001684, số khung: RRKWCH0UM6XZ01684.

(Vật chứng nêu trên hiện đang được Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bảo quản theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 44/BB, ngày 22/01/2025)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Buộc bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của họ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Công an huyện Xuyên Mộc;
- TAND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- PV06, PC10 – Công an tỉnh BR-VT;
- CCTHA Dân sự huyện Xuyên Mộc;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thành

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

